

Số: 23 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (028) 38 536 883-Fax: (028) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh công bố thông tin như sau:

Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 được đơn vị kiểm toán soát xét.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trí Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Thọ	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 13/06/2019)
Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 01/04/2019)
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên
Ông Trần Nam Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Số: 280819.004/BCTC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 28 tháng 08 năm 2019, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 050419.001/BCTC.KT1 ngày 05 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ VND. Tại thời điểm 30/06/2019, chúng tôi vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết nêu trên, do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị doanh thu và chi phí điều chỉnh (do cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán) của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với số tiền là 5,57 tỷ VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết thuyết minh số 06).

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 (Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		244.817.149.582	358.738.226.216
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	95.495.400.984	117.840.901.749
111 1. Tiền		15.495.400.984	27.840.901.749
112 2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	90.000.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	10.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		103.140.659.583	198.956.128.023
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	53.681.943.314	169.493.759.850
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	306.034.800	1.996.052.635
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	49.152.681.469	27.466.315.538
140 IV. Hàng tồn kho	7	41.490.146.533	31.341.380.530
141 1. Hàng tồn kho		41.490.146.533	31.341.380.530
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		4.690.942.482	599.815.914
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	162.760.612	-
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	4.528.181.870	599.815.914
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		89.230.093.513	103.759.895.346
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		7.995.924.000	15.991.846.000
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	7.995.924.000	15.991.846.000
220 II. Tài sản cố định		20.507.068.572	22.703.298.339
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	20.507.068.572	22.703.298.339
222 - Nguyên giá		76.291.648.891	76.291.648.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(55.784.580.319)	(53.588.350.552)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		60.727.100.941	65.064.751.007
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	8	60.727.100.941	65.064.751.007
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		334.047.243.095	462.498.121.562

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	32.414.055.416	132.346.487.049
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.414.055.416	132.346.487.049
11	4. Giá vốn hàng bán	19	32.586.997.326	103.038.294.896
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(172.941.910)	29.308.192.153
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.515.553.011	2.424.921.424
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	21.292.143.419	26.652.312.535
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.949.532.318)	5.080.801.042
31	9. Thu nhập khác		112.497.000	195.736.015
32	10. Chi phí khác		53.206.000	154.332.776
40	11. Lợi nhuận khác		59.291.000	41.403.239
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(18.890.241.318)	5.122.204.281
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	1.068.175.377
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.890.241.318)	4.054.028.904
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23		133

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.
- Thi công xây lắp mới hệ thống : chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực duy tu, sửa chữa các công trình liên quan đến hoạt động chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do trong kỳ, các bên liên quan chưa thực hiện nghiệm thu công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đô thị 06 tháng đầu năm 2019 dẫn đến doanh thu, giá vốn giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	42.187.938	98.656.771
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.453.213.046	27.742.244.978
Các khoản tương đương tiền (i)	80.000.000.000	90.000.000.000
	<u>95.495.400.984</u>	<u>117.840.901.749</u>

(i) Tại ngày 30/06/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,5%/năm.

4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	9.912.334.582	-	48.905.651.656	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	2.623.509.558	-	18.302.149.597	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	5.960.536.156	-	31.697.169.383	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	6.692.553.043	-	42.675.361.710	-
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	16.037.768.000	-	23.987.768.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng 2 Thành phố Bà Rịa	1.974.429.350	-	7.898.000.000	-
Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	8.741.093.000	-	-	-
Các đối tượng khác	9.735.643.625	-	12.019.505.504	-
	61.677.867.314	-	185.485.605.850	-
b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	53.681.943.314	-	169.493.759.850	-
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	7.995.924.000	-	15.991.846.000	-
	61.677.867.314	-	185.485.605.850	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290.161.800	-	290.161.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn	-	-	1.603.616.835	-
Các đối tượng khác	15.873.000	-	102.274.000	-
	306.034.800	-	1.996.052.635	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	172.798.862	-	172.798.862	-
Dự thu lãi tiền gửi	234.794.522	-	443.835.616	-
Phải thu thuế TNCN	155.572.274	-	59.373.382	-
Tạm ứng	-	-	95.250.000	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, ký quỹ bảo đảm chờ quyết toán (i)	20.713.252.697	-	17.720.232.962	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh phần lợi nhuận nộp thừa	1.218.179.082	-	1.218.179.082	-
Điều chỉnh doanh thu và chi phí các công trình duy tu thực hiện giai đoạn trước cổ phần hóa (ii)	5.566.174.108	-	5.930.214.734	-
Tạm ứng tiền lương cho người lao động	20.869.326.382	-	-	-
Phải thu khác	222.583.542	-	1.826.430.900	-
	49.152.681.469	-	27.466.315.538	-
b) Phải thu khác là các bên liên quan	1.218.179.082	-	1.218.179.082	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Quyết minh 27)</i>				

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
(i) Bao gồm:		
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	4.149.423.413	3.293.544.000
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	2.543.150.585	2.480.802.965
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	8.397.305.684	7.153.880.281
- Khu quản lý giao thông đô thị số 4	5.080.669.815	4.383.637.516
- Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	532.703.200	398.368.200
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Mai Linh	10.000.000	10.000.000
	20.713.252.697	17.720.232.962

(ii) Trong năm 2018 và 06 tháng đầu năm 2019, một số chủ đầu tư đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán và điều chỉnh tăng/giảm doanh thu và chi phí một số hợp đồng mà Công ty thực hiện trong giai đoạn chưa cổ phần hóa với tổng số tiền là 5,57 tỷ VND.

Trong đó:

- Điều chỉnh giảm là 5,93 tỷ VND
- Điều chỉnh tăng là 0,36 tỷ VND.

Việc điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng tới giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa, do đó, Công ty theo dõi các khoản lợi nhuận điều chỉnh này trên khoản mục Phải thu khác và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.147.424.664	-	16.618.215.053	-
Công cụ, dụng cụ	36.553.700	-	36.844.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.152.552.831	-	14.520.739.202	-
- Hoạt động duy tu	13.072.650.369	-	1.464.085.013	-
- Xây dựng tuyến đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc TP HCM - Trung Lương	3.529.930.696	-	3.529.243.396	-
- Thay thế hệ thống chiếu sáng mỹ thuật trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP. HCM	-	-	6.117.571.810	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên các tuyến Quốc lộ tỉnh Đồng Nai	5.501.981.331	-	11.480.000	-
- Các dự án khác	3.047.990.435	-	3.398.358.983	-
Thành phẩm	153.615.338	-	165.581.575	-
	41.490.146.533	-	31.341.380.530	-

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê kho	154.636.363	-
Chi phí trả trước khác	8.124.249	-
	162.760.612	-
b) Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	60.727.100.941	65.064.751.007
	60.727.100.941	65.064.751.007

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.660.205.045	76.291.648.891
Số dư cuối kỳ	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.660.205.045	76.291.648.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	13.174.543.208	2.583.859.665	35.523.421.662	2.306.526.017	53.588.350.552
- Khấu hao trong kỳ	756.287.031	130.907.969	1.207.800.367	101.234.400	2.196.229.767
Số dư cuối kỳ	13.930.830.239	2.714.767.634	36.731.222.029	2.407.760.417	55.784.580.319
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	20.731.388.709	410.430.235	1.207.800.367	353.679.028	22.703.298.339
Tại ngày cuối kỳ	19.975.101.678	279.522.266	-	252.444.628	20.507.068.572

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 là: 46.612.716.822 VND.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bản Sao Việt	2.698.080.000	2.698.080.000	4.107.120.000	4.107.120.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	4.064.874.880	4.064.874.880	17.927.251.870	17.927.251.870
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	1.220.357.187	1.220.357.187	1.220.357.187	1.220.357.187
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	3.299.447.353	3.299.447.353	9.175.850.310	9.175.850.310
Công ty TNHH NSJ	1.753.213.000	1.753.213.000	7.151.654.022	7.151.654.022
Công ty TNHH Kỹ thuật máy tính Phúc Châu	3.037.917.960	3.037.917.960	3.174.195.672	3.174.195.672
Công ty TNHH VILIGHT	-	-	24.939.090.000	24.939.090.000
Các đối tượng khác	7.825.520.960	7.825.520.960	34.520.489.544	34.520.489.544
	23.899.411.340	23.899.411.340	102.216.008.605	102.216.008.605

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Miền Đông	100.422.700	100.422.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	495.000.000	495.000.000
Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	-	4.007.700.000
Các đối tượng khác	249.389.900	249.389.900
	844.812.600	4.852.512.600

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	494.485.489	-	3.339.821.983	5.654.637.357	2.809.300.863	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.500.728.624	-	3.071.935.355	1.571.206.731	-
Thuế thu nhập cá nhân	105.330.425	-	924.346.241	966.690.092	147.674.276	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.321.184.477	1.321.184.477	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	599.815.914	1.500.728.624	5.590.352.701	11.019.447.281	4.528.181.870	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	1.650.525.906	8.023.404.428
Chi phí phải trả khác	96.498.535	63.013.405
	1.747.024.441	8.086.417.833

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	2.408.472.331	1.546.099.000
Phải trả về cổ tức	11.879.688.500	49.689.750
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân	892.437.535	1.597.982.073
Thặng dư vốn cổ phần phải nộp về Nhà nước (i)	14.232.309.026	14.232.309.026
Các khoản phải trả, phải nộp khác	177.705.580	369.911.138
	29.590.612.972	17.795.990.987
Phải trả khác là các bên liên quan	10.066.380.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 27)

(i) Thặng dư vốn cổ phần khi cổ phần hóa Công ty phải nộp về Công ty mẹ theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV đề cập trong Biên bản kiểm toán Nhà nước ngày 01/06/2018.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	284.000.000.000	-	17.904.972.842	301.904.972.842
Lãi trong kỳ trước	-	-	4.054.028.904	4.054.028.904
Phân phối lợi nhuận	-	-	(16.950.000.000)	(16.950.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	284.000.000.000	-	5.009.001.746	289.009.001.746
Số dư đầu kỳ này	284.000.000.000	-	15.028.204.389	299.028.204.389
Lỗ trong kỳ này	-	-	(18.890.241.318)	(18.890.241.318)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(14.590.899.623)	(14.590.899.623)
Số dư cuối kỳ này	284.000.000.000	-	(18.452.936.552)	265.547.063.448

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018	24.013.231.547
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	954.972.842
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	24.968.204.389
Chia cổ tức, trong đó:	21.782.800.000
- Số đã tạm chia trong năm 2018	9.940.000.000
- Số chia trong năm nay	11.842.800.000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT và Ban điều hành	1.075.343.331
Trích quỹ khen thưởng	836.378.146
Trích quỹ phúc lợi	836.378.146
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	437.304.766

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2019 VND	Tỷ lệ %	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Các cổ đông khác	42.600.000.000	15,00	42.600.000.000	15,00
	284.000.000.000	100,00	284.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	49.689.750	8.602.973.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	11.842.800.000	13.916.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	11.842.800.000	13.916.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	12.801.250	8.542.519.750
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.801.250	8.542.519.750
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	11.879.688.500	13.976.453.250

d) Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

16 . NGUỒN KINH PHÍ

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	347.604.004	347.604.004
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	347.604.004	347.604.004

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường 4, 13 và 14 thuộc quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 913,9 m², thời hạn thuê đến năm 2046); phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 1.389,7 m², thời hạn thuê đến năm 2059); phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.425,8 m², thời hạn thuê đến năm 2060); xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.500 m², thời hạn thuê đến năm 2064) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu	19.848.365.020	122.441.733.476
Doanh thu từ hoạt động thi công lắp	12.301.397.292	9.474.391.637
Doanh thu dịch vụ khác	264.293.104	430.361.936
	32.414.055.416	132.346.487.049

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Giá vốn của hoạt động duy tu	21.484.429.468	93.737.754.974
Giá vốn của hoạt động thi công xây lắp	10.892.975.191	8.924.033.234
Giá vốn dịch vụ khác	209.592.667	376.506.688
	32.586.997.326	103.038.294.896

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.515.553.011	2.424.921.424
	2.515.553.011	2.424.921.424

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	772.679.170	939.896.586
Chi phí nhân công	6.064.032.873	11.392.294.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	962.791.196	962.791.192
Thuế, phí và lệ phí	1.493.825.175	875.579.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.394.159.953	4.296.820.666
Chi phí khác bằng tiền	8.604.655.052	8.184.930.182
	21.292.143.419	26.652.312.535

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(18.890.241.318)	5.122.204.281
Các khoản điều chỉnh tăng	219.323.076	218.672.603
- Chi phí không hợp lệ	-	2.672.603
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách	219.323.076	216.000.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	(18.670.918.242)	5.340.876.884
Thu nhập tính thuế TNDN	-	5.340.876.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	1.068.175.377
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	1.500.728.624	(887.260.854)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(3.071.935.355)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(1.571.206.731)	180.914.523

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(18.890.241.318)	4.054.028.904
Các khoản điều chỉnh:	-	(283.782.023)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự tính được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(283.782.023)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(18.890.241.318)	3.770.246.881
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.400.000	28.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(665)	133

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2019, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng tỷ lệ là 7% trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019, tương ứng với số tiền là 1.808.329.600 VND.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.812.088.171	74.040.239.109
Chi phí nhân công	15.067.042.716	39.038.020.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.196.229.767	2.961.543.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.783.562.085	12.210.170.645
Chi phí khác bằng tiền	10.098.480.227	9.059.876.040
	64.957.402.966	137.309.850.650

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.495.400.984	-	117.840.901.749	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	110.830.548.783	-	212.951.921.388	-
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
	206.325.949.767	-	340.792.823.137	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	53.490.024.312	120.011.999.592
Chi phí phải trả	1.747.024.441	8.086.417.833
	55.237.048.753	128.098.417.425

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và tương đương tiền	95.495.400.984	-	-	95.495.400.984
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.834.624.783	7.995.924.000	-	110.830.548.783
	<u>198.330.025.767</u>	<u>7.995.924.000</u>	<u>-</u>	<u>206.325.949.767</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và tương đương tiền	117.840.901.749	-	-	117.840.901.749
Phải thu khách hàng, phải thu khác	196.960.075.388	15.991.846.000	-	212.951.921.388
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	<u>324.800.977.137</u>	<u>15.991.846.000</u>	<u>-</u>	<u>340.792.823.137</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	53.490.024.312			53.490.024.312
Chi phí phải trả	1.747.024.441			1.747.024.441
	<u>55.237.048.753</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>55.237.048.753</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	120.011.999.592			120.011.999.592
Chi phí phải trả	8.086.417.833			8.086.417.833
	<u>128.098.417.425</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>128.098.417.425</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông chiến lược

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chia cổ tức	10.066.380.000	11.828.600.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	6.039.828.000	7.097.160.000
- Công ty Cổ phần Long Hậu	4.026.552.000	4.731.440.000
Chi trả cổ tức	-	7.242.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	-	4.345.200.000
- Công ty Cổ phần Long Hậu	-	2.896.800.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khác	1.218.179.082	1.218.179.082
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	1.218.179.082	1.218.179.082
Phải trả khác (cổ tức)	10.066.380.000	-
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	6.039.828.000	-
- Công ty Cổ phần Long Hậu	4.026.552.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	315.361.300	206.301.063
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.110.764.518	1.187.622.619

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 24 tháng 06 năm 2019 như sau:

	Mã số	Điều chỉnh lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ			
- Phải thu ngắn hạn khác	136	27.466.315.538	27.295.634.394
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	599.815.914	771.310.695
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.500.728.624	1.471.375.355
- Phải trả ngắn hạn khác	319	17.795.990.987	17.942.870.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.028.204.389	14.911.491.307



Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019



Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...911...../CV-CSCC

TPHCM, ngày 13 tháng 8 năm 2019

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính
soát xét bán niên năm 2019

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 08 năm 2019, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

1. **Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 050419.001/BCTC.KT1 ngày 05 tháng 04 năm 2019 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan để việc thu thập chưa xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu với số tiền 3,77 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/06/2019, chúng tôi vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết nêu trên, do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Định kỳ hàng năm, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM thực hiện gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng Chủ đầu tư theo quy định, tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM đã tích cực làm việc với Chủ đầu tư đề nghị hỗ trợ xác nhận công nợ theo quy định, tuy nhiên vẫn còn một số Chủ đầu tư chưa xác nhận công nợ. Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các Chủ đầu tư về vấn đề này.

2. **Ý kiến nhấn mạnh:**

- “Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.
- Công ty ghi nhận giá trị doanh thu và chi phí điều chỉnh (do cơ quan thẩm quyền phê duyệt quyết toán) của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với số tiền 5,57 tỷ VND và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.”

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Hiện nay, các hợp đồng Công ty đã thực hiện trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016) đang được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, theo đó kết quả phê duyệt có tăng, giảm giá trị quyết toán. Do đó Công ty tạm ghi nhận doanh thu tăng, giảm trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Huỳnh Trí Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *912*/CTCSCC-KTTC
Về việc giải trình lợi nhuận
6 tháng đầu năm 2019 bị lỗ

TP. Hồ Chí Minh, ngày *23* tháng 08 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2019 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: CHS) xin giải trình về việc lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 bị lỗ như sau:

Trong 06 tháng đầu năm 2019, Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh chỉ được ký kết hợp đồng với các chủ đầu tư cho hoạt động quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố. Đối với lĩnh vực chiếu sáng công cộng, Công ty đang tạm thực hiện theo đề nghị của Sở Xây dựng trong thời gian chờ tiếp nhận, sắp xếp, hoàn thiện bộ máy theo quy định.

Doanh thu 06 tháng đầu năm 2019 của Công ty chủ yếu từ hoạt động duy tu bảo dưỡng đèn tín hiệu giao thông, trong khi hoạt động chiếu sáng công cộng chiếm tỷ trọng cao lại chưa được ghi nhận doanh thu, dẫn đến lợi nhuận của Công ty bị lỗ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.KTTC; P.TCHC.

**CÔNG TY CP CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Trí Dũng